

BÁO CÁO

**Về tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm
và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025**

UBND xã đã điều hành việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025. Nay, UBND xã báo cáo kết quả thực hiện và đề ra nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2025:

Thực hiện 06 tháng đầu năm trong đó thu trùng cân đối (không tính kết dư, chuyển nguồn): thu được 4,184 tỷ đồng, đạt 77% KH tỉnh.

Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ kế hoạch như: VAT (120% KH); lệ phí trước bạ (68%KH), thuế thu nhập cá nhân (81%KH); thu phí và lệ phí (87%KH). Thu phạt các loại (96% KH).

(Có biểu 1 đính kèm)

II. Tình hình thực hiện dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025:

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 của xã: 40,059 tỷ đồng, đạt 59% so với. Trong đó thể hiện qua một số chỉ tiêu như sau:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 6 tháng đầu năm là 150 triệu đồng, đạt 14% so với KH tỉnh.

- Chi thường xuyên: tổng chi 6 tháng đầu năm là 18,509 tỷ đồng, đạt 57% so với KH tỉnh.

- Chi mục tiêu và các khoản chi dự phòng khác: 21,4 tỷ đồng.

(Có biểu 2 đính kèm)

B. NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025:

Trên cơ sở tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, để hoàn thành chỉ tiêu theo Nghị quyết HĐND xã đề ra, đồng thời cân đối được dự toán chi ngân sách cấp xã, 6 tháng cuối năm nhiệm vụ và biện pháp tổ chức thực hiện công tác thu, chi 6 tháng cuối năm 2025 cần tập trung một số nội dung như sau:

I. Nhiệm vụ thu, chi 6 tháng cuối năm 2025:

1. Về thu ngân sách:

Tổng phải thu ngân sách đạt 1,284 tỷ đồng hoàn thành kế hoạch tỉnh giao

2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách 6 tháng còn lại lại: 78,985 tỷ đồng; Trong đó chi đầu tư phát triển 924 triệu đồng; chi thường xuyên 77,4 tỷ đồng.

II. Các biện pháp để thực hiện thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025:

Để hoàn thành các chỉ tiêu trong dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 được UBND tỉnh giao, UBND đã chỉ đạo các biện pháp, cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách:

- Phối hợp với *Đội thuế cơ sở 10*:

+ Tăng cường quyết liệt hơn nữa trong việc quản lý thu thuế, chống thất thu thuế, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thu ngân sách. Đặc biệt chú trọng công tác thu hồi, cưỡng chế nợ đọng thuế và hạn chế tối đa số nợ thuế phát sinh mới. Khai thác các nguồn thu có khả năng tăng thu để bù đắp một số khoản thu đạt thấp.

+ Thành lập Hội đồng tư vấn thuế để điều chỉnh lại mức thuế đối với các hộ nộp thuế khoán cho phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay. Thành lập *Đội* chống thất thu ngân sách xã để tăng cường công tác thanh tra, quyết toán thuế các doanh nghiệp, kiểm tra xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm nợ thuế.

+ Rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn, có biện pháp để thu hồi, xử lý các khoản thuế nợ đọng kéo dài từ những năm trước.

- *Phòng Kinh tế*:

+ Tập trung xử lý các hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích còn tồn đọng và hồ sơ mới phát sinh, để giải quyết nhu cầu cho nhân dân đồng thời thu các khoản thuế theo quy định.

+ Tăng cường công tác hậu kiểm doanh nghiệp, các hộ kinh doanh trên địa bàn để quản lý tốt nguồn thu. Hàng tháng cung cấp danh sách các hộ kinh doanh cá thể phát sinh mới cho Chi cục Thuế, *Đội* quản lý Thị trường.

+ Tiếp tục tham mưu UBND xã chỉ đạo các ngành trong công tác thu ngân sách. Xây dựng phương án tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất các khu vực đã được phê duyệt.

2. Về chi ngân sách:

2.1. Quản lý chặt các khoản chi, đảm bảo theo đúng chế độ quy định; Thực hiện nghiêm, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí. Tiết kiệm trong chi thường xuyên nhất là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác xa và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách. Gắn nhiệm vụ thực hành tiết kiệm chống lãng phí với việc thực hiện các cơ chế quản lý tài chính và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu công, quản lý tốt việc mua sắm tài sản.

2.2. Tiếp tục thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư Xây dựng cơ bản chặt chẽ, thiết thực nâng cao hiệu quả Kinh tế - Xã hội; Các dự án đầu tư công triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ theo quy định. Triển khai ngay công tác chỉ định thầu để tiến hành khởi công xây dựng các công trình chậm tiến độ, đặc biệt là các công trình mục tiêu Quốc gia, tránh tình trạng những tháng cuối năm mới triển khai dẫn đến khối lượng không hoàn thành, làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội.

2.3. Đẩy mạnh thực hiện tốt nữa cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị theo Nghị định 117/2013/NĐ - CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 130/2005/NĐ - CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ để góp phần tăng thu nhập cho cán bộ công chức.

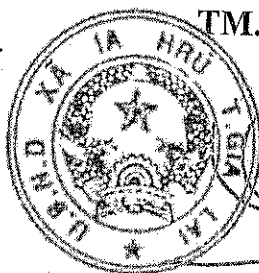
3. Về các Chương trình Mục tiêu quốc gia:

Tiếp tục khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện, rà soát tình hình thực hiện từng dự án, gặp vướng mắc về thủ tục đầu tư, xây dựng, đấu thầu, nhóm các dự án vướng mắc về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, nhóm các dự án gặp vướng mắc về kế hoạch vốn và thủ tục giải ngân để kịp thời giải quyết tháo gỡ.

Trên đây là tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2025, UBND xã kính trình HĐND xã khóa kỳ họp thứ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, KT



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Minh Tâm

BIỂU 01

TỈNH HÌNH THỨC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐẾN NGÀY 30/6/2025(04 XÃ)

Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú)

STT	Chỉ tiêu thu	KH thu trước sát nhập	Tổng Thu (30/6/2025)	Số Thu xã điều tiết					Tỷ lệ
				Tổng	Xã Ia Hrú	Xã Ia Dreng	Xã Ia Rong	Xã HBông	
A	B			5 = 5.1+5.2+...+5...	5.3	5.5	5.9		
I	Thu nội địa								
	Thu NS TW hưởng								
	Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp								
	Thu Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp								
A	THU CÁN ĐỐI NSNN (I + II)	5.467	4.183,5	3.746	2.014,7	489,6	562,9	679,2	
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước:	5.467	4.183,5	3.746	2.014,7	489,6	562,9	679,2	77%
I	Thu từ ND NN TW			0	-	-	-	-	77%
	- Thuế giá trị gia tăng			0	-	-	-	-	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý			0					
	- Thuế giá trị gia tăng			0	-	-	-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			0	-	-	-	-	
	- Thuế tài nguyên			0	-	-	-	-	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			0	-	-	-	-	
4	Thuế CTN và DV Ngoài quốc doanh	527	631	505	372,2	11,3	76,7	44,6	120%
	- Thuế giá trị gia tăng	527	631	505	372,2	11,3	76,7	44,6	120%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			0	-	-	-	-	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0	-	-	-	-	
	- Thuế tài nguyên			0	-	-	-	-	
5	Thuế sử dụng đất NN			0	-	-	-	-	
6	Thuế nhà đất/thuế SD đất phi NN			0	-	-	-	-	
7	Tiền sử dụng đất và đầu giá QSD đất	8		0	-	-	-	-	0%
		1472	780	562	322,2	7,2	69,6	163,2	53%

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiết thu	KH thu trước sát nhập	Tổng Thu (30/6/2025)	Số Thu xã điều tiết					Tỷ lệ
				Tổng	Xã Ia Hrú	Xã Ia Dreng	Xã Ia Rong	Xã HBóng	
-	Dự án Do tình đầu tư và thu của các tổ chức kinh tế			0	-	-	-		
-	Dự án do Ngân sách huyện đầu tư và thu từ các hộ gia đình, cá nhân			0	-	-	-		
8	Lệ phí trước bạ	546	467,225	374	154,4	87,8	73,6	58,0	86%
9	Các loại phí, lệ phí	243	130	130	53,3	22,1	14,4	40,0	53%
	Phí, lệ phí Trung ương			0	-	-	-		
	Phí, lệ phí tỉnh			0	-	-	-		
	Phí, lệ phí huyện, xã (trong đó phí BVMT đối với khai thác khoáng sản: 300tr)	243	130	130	53,3	22,1	14,4	40,0	53%
10	Thuế BVMT/Phí xăng dầu			0	-	-	-		
11	Thuế Thu nhập cá nhân	2626	2.132	2.132	1.097,0	356,1	311,4	367,9	81%
12	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			0	-	-	-		
	+ Thuê đất từ DNINN			0	-	-	-		
	+ Thuê đất từ DN NQD			0	-	-	-		
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			0	-	-	-		
14	Thu từ xổ số kiến thiết			0	-	-	-		
15	Thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại			0	-	-	-		
16	Phạt VP hành chính do cơ quan thuế xử lý			0	-	-	-		
17	Thu khác và phạt các loại	45	43	0	15,6	5,2	17,2	5,5	96%
-	Phạt trật tự an toàn giao thông			0	-	-	-	-	
	+ Công an tỉnh thu			0	-	-	-	-	
	+ Thanh tra giao thông tỉnh thu			0	-	-	-	-	
	+ Công an huyện, thị xã, thành phố thu			0	-	-	-	-	
	+ Cơ quan nhà nước cấp huyện và Công an xã, các lực lượng cấp xã xử lý								
-	Thu khác ngân sách và phạt các loại			0	-	-	-	-	
II	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu			0	-	-	-	-	

STT	Chỉ tiêu thu	KH thu trước sát nhập	Tổng Thu (30/6/2025)	Số Thu xã điều tiết				Tỷ lệ
				Tổng	Xã Ia Hrú	Xã Ia Dreng	Xã Ia Rong	Xã HBông

BIỂU 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (SAU KHI SÁP XẾP)

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu chi	Cấp xã Ia Hrú (mới)		Chi tiết giao dự toán chi từng xã/phường/thị trấn										Ghi chú
		DỰ TOÁN	SỐ CHI	Xã Ia Hrú		Xã HBông		Xã Ia Dreng		Xã Ia Rong				
				DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI			
A	B	C	D	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	E
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A+B)	67.574	40.059	18.425	9.594	18.972	10.080	14.394	9.428	15.783	10.958			
A	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2025 (A.1+A.2)	35.342	19.841	9.690	6.190	9.864	4.993	7.800	4.245	7.988	4.413			
A.1	CHI CÁN ĐỐI NS	34.016	19.177	9.391	5.978	9.325	4.834	7.553	4.099	7.747	4.267			
I	Chi đầu tư phát triển	1.074	150	396,0	150	161		251	0	266				
1	Vốn XDCB tập trung	0	0											
2	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.074	150	396,0	150	161		251,00		266				
3	Chi chuyển nguồn													
II	Chi thường xuyên	32.290	18.509	8.818	5.708	8.978	4.753	7.159	4.023	7.335	4.025			
	Trong đó:	0	0											
1	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	230	63	66,0	35	70	4	50,00		44	24			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0											
3	Chi từ tiền thuê đất	0	0											
4	Chi trợ cấp hành tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội	0	0											
5	Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	0	0											
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	0	0											
IV	Dự phòng ngân sách	653	371	176,5	120	187	81	143,00	75,46	147	95			
A.2	BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU ĐẦU NĂM	1.326	664	299,0	212	539	159	247,00	146,39	241	147			
B	DỰ TOÁN GIAO BỔ SUNG MỤC TIÊU TRONG NĂM 2025	32.231	20.218	8.735	3.404	9.108	5.087	6.593	5.182	7.794	6.545			





STT	CHỦ TIỀN CHÍ	Cấp xã Ia Hnú (mới)		Chi tiết giao dự toán chi từng xã/phường/thị trấn								Ghi chú
		DỰ TOÁN	SỐ CHI	Xã Ia Hnú		Xã HBông		Xã Ia Dreng		Xã Ia Rong		
				DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	
1	KP tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025.	49	49	18	18			14,00	14,00	17	17	
2	Tổ chức Đại hội chi bộ	686	301	279	44			230,51	230,51	177	27	
3	Xóa nhà tạm cho người có công	190	190	100	100	60	60	30,00	30,00	-	-	
4	Xóa nhà tạm cho hộ nghèo, cận nghèo	4.176	4.130	1.263	1.263	1.099	1.054	550,59	550,59	1.263	1.263	
5	Hỗ trợ học viên lớp CCLCT	49	49	49	49					-	-	
6	Hỗ trợ học viên lớp trung cấp LLCT	70	70	35	35			35,22	35,22	-	-	
7	Cấp kinh phí cho UBND xã Ia Hnú để hoàn trả tạm ứng kinh phí xây dựng Nông thôn mới năm 2018	1.337	0	1.337						-	-	
8	hỗ trợ để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 6 tháng đầu năm 2024	11	11							11	11	
9	Mua sắm máy móc phục vụ ngành tài chính khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp	0	0							-	-	
10	KP Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2025	3.094	2.421					2.649	1.977	445	445	
11	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn đầu tư vốn đầu tư nguồn ngân sách TW)	4.136	3.099	1.512,0	1.036,4	2.624	2.062			-	-	
12	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn đầu tư vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương)	924	528	308	88			308,00	176,00	308	264	
13	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới (vốn đầu tư vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương)	5.665	5.633			275	243	1.590	1.590	3.800	3.800	
14	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới (vốn đầu tư vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương)	1.660	1.657	484	481	208	208	484,00	483,99	484	484	
15	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới (Vốn SN)	541	350	226	216	30		33,00	17,63	252	116	

STT	 Chi tiết giao dự toán chi từng xã/phường/thị trấn	Cấp xã Ia Hrú (mới)		Xã Ia Hrú		Xã HBông		Xã Ia Dreng		Xã Ia Rong		Ghi chú
		DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	DỰ TOÁN	SỐ CHI	
16	KP hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố	0	0							-	-	
17	Bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025	244	237	64	64	61	61	59,80	52,40	60	60	la dreng nộp trả số dư
18	phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản năm 2024	264	0	264						-	-	
19	Phân Mềm các xã	27	27	9	9			9,00	9,00	9	9	
20	KP tăng thêm do tăng mức lương đảm bảo thực hiện NQ 73	281	50							281	50	
22	Kinh phí tết cho hộ nghèo (qd 188)							17,00	17,00			
23	Đề đầu tư kết nối vào hệ thống hạ tầng truyền thông ngành Tài chính khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.	95	0	95						-	-	
24	Chế độ chính sách ông Nguyễn Cẩm	100	100			100	100					
25	Thoát vùng ông Nguyễn Cẩm	99	99			99	99					
26	Chế độ trợ cấp 1 lần cho CBCC	70	70			70	70					
27	KP hỗ trợ các đối tượng bảo trợ	1.077	0			1.077				-	-	
28	Vốn SN CTMTQG giảm nghèo bền vững	2.599	0	887		510		584		618	-	
29	Vốn SN CTMTQG vùng ĐB DTTS	4.771	1.130	1.806		2.895	1.130			70	-	